

Số: 799 /QĐ-BVHTTDL

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Chương trình bồi dưỡng
tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành Di sản văn hóa

BỘ TRƯỞNG BỘ VĂN HOÁ, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

Căn cứ Nghị định số 01/2023/NĐ-CP ngày 16/01/2023 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch;

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/09/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; Nghị định số 89/2021/NĐ-CP ngày 18/10/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức;

Căn cứ Thông tư số 16/2021/TT-BVHTTDL ngày 22/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành di sản văn hóa;

Căn cứ Kết luận của Hội đồng thẩm định Chương trình bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành Di sản văn hóa ngày 27/12/2022;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành Di sản văn hóa.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Quyết định này thay thế Quyết định số 4579, 4580, 4581/QĐ-BVHTTDL ngày 27/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Chương trình bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Di sản viên (hạng II, III, IV).

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch, Tài chính, Cục trưởng Cục Di sản văn hóa, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các Thứ trưởng;
- Công thông tin điện tử Bộ;
- Lưu: VT, TCCB, ĐH (200).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Tạ Quang Đông

CHƯƠNG TRÌNH

Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp chuyên ngành Di sản văn hoá
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-BVHTTDL ngày tháng năm 2023 của
Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)

I. ĐỐI TƯỢNG BỒI DƯỠNG

1. Viên chức chuyên môn hiện đang công tác tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc chuyên ngành Di sản văn hóa, có khả năng đảm nhận hoặc đang làm việc ở vị trí công tác phù hợp với chức trách và nhiệm vụ của chức danh nghề nghiệp Di sản viên.

2. Các cá nhân có nhu cầu bồi dưỡng, cấp chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Di sản viên.

II. MỤC TIÊU BỒI DƯỠNG

1. Mục tiêu chung

Trang bị cho học viên kiến thức và kỹ năng cơ bản, cần thiết nhằm đáp ứng yêu cầu về năng lực, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Di sản viên.

2. Mục tiêu cụ thể

Sau khi hoàn thành khóa bồi dưỡng học viên có thể:

a) Kiến thức cơ bản

- Phân tích được những điểm cơ bản về hệ thống chính trị, bộ máy hành chính nhà nước và hệ thống ngành di sản văn hóa ở Việt Nam;

- Nắm được quan điểm, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước, đặc biệt là về lĩnh vực di sản văn hóa;

- Nắm vững những kiến thức cơ bản về lý luận và chuyên môn nghiệp vụ thuộc chuyên ngành di sản văn hóa; nắm được kiến thức về các lĩnh vực khoa học liên quan.

b) Kỹ năng cơ bản

Vận dụng có hiệu quả những kiến thức, kỹ năng về chuyên môn kỹ thuật chuyên ngành đã được đào tạo vào các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ thuộc chuyên ngành di sản văn hóa để thực hiện nhiệm vụ phù hợp với chức danh nghề nghiệp Di sản viên theo quy định tại Thông tư số 16/2021/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 12 năm 2021 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành Di sản văn hóa.

III. YÊU CẦU ĐỐI VỚI CHƯƠNG TRÌNH

1. Cấu trúc hợp lý và khoa học giữa các khối kiến thức, nội dung bám sát nhiệm vụ của chức danh nghề nghiệp Di sản viên, đảm bảo không trùng lặp với chương trình, tài liệu khác và kết cấu theo hướng mở để dễ cập nhật, bổ sung cho phù hợp;

2. Cân đối, hợp lý giữa lý thuyết và thực hành (rèn luyện kỹ năng);

3. Thiết thực để sau khi học xong, học viên có thể vận dụng vào thực tiễn công tác.

IV. PHƯƠNG PHÁP CẤU TRÚC CHƯƠNG TRÌNH

1. Chương trình được cấu trúc theo từng phần kiến thức: từ kiến thức chung đến kiến thức chuyên môn, kỹ năng, nghiệp vụ về di sản văn hóa theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp Di sản viên.

2. Học viên học đủ các phần kiến thức theo quy định của chương trình sẽ được cấp chứng chỉ.

V. CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG

1. Khối lượng kiến thức và thời gian bồi dưỡng

a) Chương trình gồm 10 chuyên đề, được bố cục thành 03 phần:

- Phần I: Khối kiến thức chung về hệ thống chính trị, bộ máy tổ chức nhà nước và bộ máy tổ chức ngành di sản văn hóa; quan điểm, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước về di sản văn hóa (gồm 03 chuyên đề);

- Phần II: Khối kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp chuyên ngành và đạo đức nghề nghiệp theo yêu cầu chức danh Di sản viên (gồm 07 chuyên đề);

- Phần III: Khảo sát thực tế và viết tiểu luận.

b) Thời gian bồi dưỡng:

- Tổng thời gian là 06 tuần x 05 ngày làm việc/tuần x 08 tiết/ngày = 240 tiết.

- Phân bổ thời gian:

+ Lý thuyết, thảo luận, thực hành:	184 tiết
+ Kiểm tra:	08 tiết
+ Ôn tập:	08 tiết
+ Khảo sát thực tế và viết tiểu luận:	32 tiết
+ Công tác tổ chức lớp:	08 tiết

2. Cấu trúc chương trình

TT	NỘI DUNG	Số tiết		
		Tổng	Lý Thuyết	Thảo luận, thực hành
I	<i>Khối kiến thức chung về nhà nước và hành chính nhà nước; quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về Di sản văn hóa</i>	40	26	14
1	Lý luận chung về Nhà nước và hành chính nhà nước	8	04	04
2	Quan điểm, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước về Di sản văn hóa	24	16	08

3	Kiến thức, kỹ năng chung về quản lý nhà nước	8	06	02
Ôn tập và kiểm tra phần I: 08 tiết				
II	<i>Khởi kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp chuyên ngành và đạo đức nghề nghiệp theo yêu cầu chức danh Di sản viên</i>	144	106	38
4	Các loại hình Di sản văn hóa ở Việt Nam	08	06	02
5	Cập nhật kiến thức, kỹ năng nghiệp vụ bảo tàng	32	24	08
6	Cập nhật kiến thức, kỹ năng nghiệp vụ bảo tồn di tích	32	24	08
7	Cập nhật kiến thức, kỹ năng nghiệp vụ bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể	32	24	08
8	Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa	16	12	04
9	Xây dựng và triển khai các chương trình truyền thông, giáo dục về di sản văn hóa	16	12	04
10	Tiêu chuẩn nghiệp vụ và đạo đức nghề nghiệp đối với viên chức giữ chức danh Di sản viên	08	04	04
Ôn tập và kiểm tra phần II: 08 tiết				
III	<i>Khảo sát thực tế và viết tiểu luận</i>	32		32
11	Khảo sát thực tế bảo tàng, di tích, di sản văn hóa phi vật thể	16		16
12	Viết tiểu luận áp dụng những kiến thức vừa học vào thực tiễn công tác	16		16

VI. NỘI DUNG CHÍNH CÁC CHUYÊN ĐỀ

PHẦN I

KHỞI KIẾN THỨC CHUNG VỀ NHÀ NƯỚC, HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC VÀ QUAN ĐIỂM, ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG, CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT CỦA NHÀ NƯỚC VỀ DI SẢN VĂN HÓA

Chuyên đề 1. Lý luận chung về nhà nước và hành chính nhà nước

1. Khái quát về cơ quan nhà nước

- a) Khái niệm và đặc điểm;
- b) Hệ thống các cơ quan nhà nước trong bộ máy nhà nước;
- c) Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước.

2. Hành chính nhà nước

a) Khái niệm

- Quản lý và quản lý nhà nước;
- Hành chính nhà nước.

b) Vai trò của Nhà nước và quản lý hành chính nhà nước đối với sự phát triển kinh tế - xã hội.

3. Các nguyên tắc hành chính nhà nước

a) Khái niệm nguyên tắc hành chính nhà nước;

b) Các nguyên tắc hành chính nhà nước cơ bản:

- Nguyên tắc Đảng cầm quyền lãnh đạo hành chính nhà nước;
- Nguyên tắc pháp trị;
- Nguyên tắc phục vụ;
- Nguyên tắc hiệu lực, hiệu quả.

4) Các chức năng cơ bản của hành chính nhà nước

a) Khái niệm và phân loại chức năng hành chính nhà nước:

- Chức năng hành chính nhà nước;
- Phân loại chức năng hành chính nhà nước.

b) Các chức năng cơ bản của hành chính nhà nước:

- Chức năng nội bộ;
- Chức năng bên ngoài.

Chuyên đề 2. Quan điểm, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước về di sản văn hóa

1. Quan điểm, đường lối cơ bản của Đảng về di sản văn hóa

a) Quan điểm, đường lối cơ bản của Đảng về di sản văn hóa hình thành và phát triển từ Đề cương văn hóa (1943) đến trước Nghị quyết Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Trung ương (Khóa VIII);

b) Quan điểm, đường lối cơ bản của Đảng về di sản văn hóa qua Nghị quyết Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Trung ương (Khóa VIII);

c) Quan điểm, đường lối cơ bản của Đảng về di sản văn hóa qua Nghị quyết Hội nghị lần thứ 9 Ban Chấp hành Trung ương (Khóa XI) đến nay.

2. Chính sách, pháp luật của Nhà nước về di sản văn hóa

a) Chính sách, pháp luật của Nhà nước về di sản văn hóa từ 1945 đến 1983 (từ Sắc lệnh số 65/SL của Chủ tịch Hồ Chí Minh đến trước thời điểm ban hành Pháp lệnh bảo vệ, sử dụng di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh);

b) Chính sách, pháp luật của Nhà nước về di sản văn hóa từ 1984 đến nay;

c) Hệ thống pháp luật về di sản văn hóa hiện nay.

Chuyên đề 3. Kiến thức, kỹ năng chung về quản lý nhà nước

1. Kỹ năng giao tiếp
 - a) Khái niệm giao tiếp;
 - b) Xây dựng uy tín và hình ảnh trong giao tiếp;
 - c) Các hình thức giao tiếp cơ bản trong hành chính.
2. Kỹ năng làm việc nhóm
 - a) Khái niệm;
 - b) Các kỹ năng cần có để làm việc nhóm hiệu quả.
3. Kỹ năng soạn thảo văn bản
 - a) Khái niệm về văn bản và văn bản quản lý nhà nước;
 - b) Yêu cầu chung về kỹ thuật soạn thảo văn bản;
 - c) Soạn thảo một số loại văn bản thông dụng.

PHẦN II

KHỐI KIẾN THỨC, KỸ NĂNG NGHỀ NGHIỆP CHUYÊN NGÀNH VÀ ĐẠO ĐỨC NGHỀ NGHIỆP THEO YÊU CẦU CHỨC DANH DI SẢN VIÊN

Chuyên đề 4. Các loại hình di sản văn hóa ở Việt Nam

1. Tổng quan về di sản văn hóa Việt Nam.
2. Các loại hình di sản văn hóa ở Việt Nam
 - a) Di sản văn hóa vật thể;
 - b) Di sản văn hóa phi vật thể;
 - c) Di sản tư liệu.

Chuyên đề 5. Cập nhật kiến thức, kỹ năng nghiệp vụ bảo tàng và hiện vật bảo tàng

1. Trong hoạt động nghiên cứu, sưu tầm hiện vật bảo tàng
 - a) Về nghiên cứu các vấn đề khoa học liên quan đến hoạt động của bảo tàng;
 - b) Về sưu tầm hiện vật bảo tàng.
2. Trong hoạt động kiểm kê, bảo quản hiện vật bảo tàng
 - a) Về kiểm kê, xây dựng hồ sơ hiện vật bảo tàng;
 - b) Về bảo quản hiện vật bảo tàng.
3. Trong hoạt động trưng bày bảo tàng
 - a) Về hoạt động chuẩn bị khoa học phục vụ tổ chức trưng bày bảo tàng;

- b) Về trưng bày bảo tàng.
- 4. Trong hoạt động truyền thông, giáo dục của bảo tàng
 - a) Về hoạt động truyền thông trong và ngoài bảo tàng;
 - b) Về hoạt động giáo dục trong và ngoài bảo tàng.
- 5. Trong hoạt động hợp tác quốc tế về bảo tàng.

Chuyên đề 6. Cập nhật kiến thức, kỹ năng nghiệp vụ bảo tồn di tích

- 1. Trong hoạt động điều tra, khảo sát, kiểm kê, nghiên cứu về di tích
 - a) Về điều tra, khảo sát di tích;
 - b) Về kiểm kê, lập danh mục và công bố danh mục di tích;
 - c) Về lập hồ sơ xếp hạng di tích;
 - d) Về nghiên cứu khoa học về di tích; Nhận diện hiện vật, di vật.
- 2. Trong hoạt động bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích
 - a) Về bảo quản di tích;
 - b) Về tu bổ di tích;
 - c) Về phục hồi di tích;
 - d) Giới thiệu về dự án tu bổ, tôn tạo di tích.
- 3. Trong hoạt động phát huy giá trị di tích
 - a) Về tuyên truyền, quảng bá, giáo dục về di tích;
 - b) Về gắn kết phát huy giá trị di tích với phát triển du lịch.
- 4. Trong hoạt động hợp tác quốc tế về bảo tồn di tích.

Chuyên đề 7. Cập nhật kiến thức, kỹ năng nghiệp vụ bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể và di sản tư liệu

- 1. Trong hoạt động kiểm kê di sản văn hóa phi vật thể
 - a) Về điều tra, nghiên cứu về di sản văn hóa phi vật thể;
 - b) Về kiểm kê di sản văn hóa phi vật thể;
 - c) Về lập danh mục di sản văn hóa phi vật thể.
- 2. Trong hoạt động lập hồ sơ khoa học di sản văn hóa phi vật thể
 - a) Về hồ sơ khoa học di sản văn hóa phi vật thể;
 - b) Về tư liệu hóa di sản văn hóa phi vật thể;
 - c) Về xét duyệt và công bố Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia.

3. Trong hoạt động phong tặng danh hiệu Nghệ nhân nhân dân, Nghệ nhân ưu tú

a) Về điều tra, nghiên cứu, lập hồ sơ đề nghị phong tặng danh hiệu Nghệ nhân nhân dân, Nghệ nhân ưu tú;

b) Về thực hiện chính sách đãi ngộ đối với nghệ nhân.

4. Trong hoạt động hợp tác quốc tế về bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể.

5. Kiến thức và kỹ năng nghiệp vụ về quản lý di sản tư liệu

a) Kiến thức về quản lý di sản tư liệu;

b) Kỹ năng nghiệp vụ về quản lý di sản tư liệu.

Chuyên đề 8. Ứng dụng công nghệ thông tin trong bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa

1. Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động bảo tàng

a) Vai trò của công nghệ thông tin trong hoạt động bảo tàng;

b) Tổ chức, xây dựng cơ sở dữ liệu về bảo tàng;

c) Ứng dụng công nghệ thông tin trong trưng bày bảo tàng.

2. Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động bảo tồn di tích

a) Vai trò của công nghệ thông tin trong hoạt động bảo tồn di tích;

b) Tổ chức, xây dựng cơ sở dữ liệu về di tích;

c) Tổ chức, xây dựng cơ sở dữ liệu về di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia thuộc di tích.

3. Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể

a) Vai trò của công nghệ thông tin trong hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể;

b) Tổ chức, xây dựng cơ sở dữ liệu về di sản văn hóa phi vật thể;

c) Tổ chức, xây dựng cơ sở dữ liệu về Nghệ nhân nhân dân, Nghệ nhân ưu tú.

4. Chuyển đổi số trong hoạt động di sản văn hoá

a) Khái niệm;

b) Các quy định của Đảng, Chính phủ về chuyển đổi số;

c) Các quy định của Bộ VHTTDL và các địa phương (nếu có) về chuyển đổi số trong hoạt động di sản văn hóa;

d) Thực tế triển khai chuyển đổi số trong hoạt động di sản văn hóa ở Việt Nam hiện nay:

- Thành tựu;
- Khó khăn, hạn chế.

đ) Định hướng phát triển chuyển đổi số trong hoạt động di sản văn hóa ở Việt Nam.

Chuyên đề 9. Xây dựng và triển khai các chương trình truyền thông, giáo dục về di sản văn hóa

1. Vị trí, vai trò của việc xây dựng và triển khai các chương trình truyền thông, giáo dục về di sản văn hóa

2. Tổ chức, thực hiện việc xây dựng và triển khai các chương trình truyền thông, giáo dục về di sản văn hóa

a) Tổ chức, thực hiện việc xây dựng và triển khai các chương trình truyền thông, giáo dục về bảo tàng;

b) Tổ chức, thực hiện việc xây dựng và triển khai các chương trình truyền thông, giáo dục về di tích;

c) Tổ chức, thực hiện việc xây dựng và triển khai các chương trình truyền thông, giáo dục về di sản văn hóa phi vật thể.

3. Thực trạng việc xây dựng và triển khai các chương trình truyền thông, giáo dục về di sản văn hóa và những vấn đề cần giải quyết

a) Thực trạng việc xây dựng và triển khai các chương trình truyền thông, giáo dục về di sản văn hóa;

b) Một số vấn đề đặt ra cần giải quyết nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả các chương trình truyền thông, giáo dục về di sản văn hóa.

Chuyên đề 10. Tiêu chuẩn nghiệp vụ và đạo đức nghề nghiệp đối với viên chức giữ chức danh nghề nghiệp Di sản viên

1. Tiêu chuẩn chung về đạo đức nghề nghiệp của viên chức chuyên ngành Di sản văn hóa

a) Có tinh thần trách nhiệm với công việc được giao, tuân thủ quy định của pháp luật, thực hiện đúng và đầy đủ các nghĩa vụ của viên chức trong hoạt động nghề nghiệp;

b) Tâm huyết với nghề, trung thực, khách quan, thẳng thắn; làm việc khoa học, có chính kiến rõ ràng; có thái độ khiêm tốn, đúng mực khi tiếp xúc với nhân dân; có ý thức đấu tranh với những hành vi sai trái, tiêu cực; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí;

- c) Có ý thức bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa của dân tộc Việt Nam;
- d) Có tinh thần đoàn kết, tích cực, chủ động phối hợp với đồng nghiệp thực hiện nhiệm vụ được giao;
- e) Không ngừng học tập, rèn luyện nâng cao phẩm chất, trình độ, năng lực.

2. Tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp

2.1. Đối với Di sản viên hạng I

2.1.1. Nhiệm vụ:

- a) Chủ trì xây dựng kế hoạch hoạt động dài hạn, trung hạn, hàng năm về bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa của đơn vị và tổ chức thực hiện sau khi được phê duyệt;
- b) Chủ trì nghiên cứu, ứng dụng các thành tựu của khoa học và công nghệ trong bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa;
- c) Xây dựng đề cương trưng bày, giới thiệu di sản văn hóa, dự án bảo tồn di tích; tổ chức thực hiện trưng bày các chủ đề đặc biệt quan trọng, quy mô quốc gia và quốc tế;
- d) Xây dựng đề án, dự án và tổ chức thực hiện các cuộc khảo sát, sưu tầm, khai quật khảo cổ quy mô quốc gia và quốc tế;
- đ) Tham gia xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, các chủ trương, chính sách, chiến lược về bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa;
- e) Xây dựng nội dung chương trình, biên soạn tài liệu và tổ chức bồi dưỡng, hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ cho di sản viên hạng dưới.

2.1.2. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng:

- a) Có bằng thạc sĩ trở lên phù hợp với lĩnh vực di sản văn hóa;
- b) Có chứng chỉ bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành Di sản văn hóa.

2.1.3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ:

- a) Nắm vững chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, chiến lược phát triển trong lĩnh vực bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa;
- b) Có kiến thức chuyên sâu về nghiệp vụ bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa;
- c) Có năng lực phân tích, tổng hợp, hệ thống hóa và đề xuất, tham mưu xây dựng chính sách, văn bản quy phạm pháp luật, đề án, chương trình về bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa;
- d) Có năng lực tổ chức chỉ đạo thực hiện nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật để cải tiến và nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa;

đ) Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản, sử dụng được ngoại ngữ hoặc sử dụng được tiếng dân tộc thiểu số đối với viên chức công tác ở vùng dân tộc thiểu số theo yêu cầu vị trí việc làm.

2.2. Đối với Di sản viên hạng II

2.2.1. Nhiệm vụ:

a) Chủ trì xây dựng kế hoạch hoạt động dài hạn, trung hạn, hàng năm về hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa được giao và tổ chức thực hiện sau khi được phê duyệt;

b) Chủ trì hoặc tham gia hoạt động nghiên cứu, ứng dụng các thành tựu của khoa học và công nghệ trong bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa;

c) Xây dựng đề án, đề cương trưng bày, giới thiệu di sản văn hóa, phương án bảo tồn di tích; tổ chức thực hiện trưng bày các chủ đề trọng tâm của bảo tàng;

d) Xây dựng đề án, kế hoạch và tổ chức thực hiện hoạt động tuyên truyền, giáo dục tại bảo tàng, di tích; trực tiếp thực hiện công tác tuyên truyền đối với các đối tượng nghiên cứu, tham quan có yêu cầu nghiệp vụ chuyên sâu;

đ) Tổ chức kiểm kê, xây dựng đề án bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể. Tổ chức thực hiện các cuộc khảo sát, sưu tầm, khai quật khảo cổ được giao;

e) Tham gia tổng kết đánh giá, đề xuất sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện quy trình, quy phạm về các hoạt động nghiệp vụ, kỹ thuật bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa;

g) Tham gia xây dựng nội dung chương trình, biên soạn tài liệu và tham gia bồi dưỡng, hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ cho Di sản viên hạng dưới.

2.2.2. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng:

a) Có bằng đại học trở lên phù hợp với lĩnh vực di sản văn hóa;

b) Có chứng chỉ bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành di sản văn hóa.

2.2.3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ:

a) Nắm vững chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, chiến lược phát triển trong lĩnh vực bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa;

b) Am hiểu kiến thức về nghiệp vụ bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa;

c) Có năng lực phân tích, tổng hợp, hệ thống hóa và đề xuất sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện quy trình, quy phạm về các hoạt động nghiệp vụ, kỹ thuật bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa được giao tham mưu, quản lý;

d) Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản, sử dụng được ngoại ngữ hoặc sử dụng được tiếng dân tộc thiểu số đối với viên chức công tác ở vùng dân tộc thiểu số theo yêu cầu vị trí việc làm.

2.3. Đối với Di sản văn hóa III

2.3.1. Nhiệm vụ:

a) Xây dựng kế hoạch hàng năm về nhiệm vụ chuyên môn bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa được giao và tổ chức thực hiện sau khi được phê duyệt;

b) Xây dựng hồ sơ hiện vật, hồ sơ di tích, hồ sơ di sản văn hóa phi vật thể đạt các tiêu chuẩn khoa học; phân tích, xác định sơ bộ giá trị của hiện vật, di tích, di sản văn hóa phi vật thể phù hợp với các kết luận khoa học đã được công nhận để chuẩn bị cho việc quyết định nhập hiện vật vào kho bảo quản hoặc đăng ký hiện vật vào sổ kiểm kê bước đầu; lập danh mục và tư liệu hóa di sản văn hóa phi vật thể;

c) Kiểm tra, đánh giá tình trạng hiện vật, đề xuất kế hoạch bảo quản, tu bổ, sắp xếp hiện vật trong kho bảo quản theo hệ thống đúng quy định;

d) Tham gia xây dựng các đề cương thiết kế trưng bày giới thiệu di sản văn hóa; phương án tu bổ, tôn tạo di tích và xây dựng mới, sửa chữa bảo tàng; đề án bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể;

đ) Tham gia xây dựng nội dung và thực hiện các hoạt động tuyên truyền, giáo dục tại bảo tàng, di tích;

e) Tham gia nghiên cứu khoa học, ứng dụng các thành tựu của khoa học và công nghệ về bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa.

2.3.2. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng:

a) Có bằng đại học trở lên phù hợp với lĩnh vực di sản văn hóa;

b) Có chứng chỉ bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành Di sản văn hóa.

2.3.3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ:

a) Nắm được chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, chiến lược phát triển trong lĩnh vực bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa;

b) Nắm vững kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ về bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa;

c) Có năng lực phân tích, tổng hợp những vấn đề được giao tham mưu, quản lý;

d) Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản, sử dụng được ngoại ngữ hoặc sử dụng được tiếng dân tộc thiểu số đối với viên chức công tác ở vùng dân tộc thiểu số theo yêu cầu vị trí việc làm.

2.4. Đối với Di sản văn hóa IV

2.4.1. Nhiệm vụ:

- a) Thực hiện các nhiệm vụ kỹ thuật thường xuyên tại đơn vị;
- b) Thực hiện các công việc phục vụ nghiên cứu, tham gia điều tra, khảo sát hoặc trợ giúp việc xử lý, tổng hợp các thông tin, dữ liệu về di sản văn hóa vật thể và phi vật thể trong phạm vi được giao;
- c) Thực hiện phương án tu sửa hiện vật được phân công.

2.4.2. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng:

- a) Có bằng trung cấp trở lên phù hợp với lĩnh vực di sản văn hóa;
- b) Có chứng chỉ bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành Di sản văn hóa.

2.4.3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ:

- a) Nắm được những quy định của pháp luật về bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa;
- b) Có kiến thức cơ bản về nghiệp vụ bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa;
- c) Sử dụng thành thạo các phương tiện, thiết bị kỹ thuật phục vụ yêu cầu nhiệm vụ.

PHẦN III VIẾT TIỂU LUẬN VÀ ĐI THỰC TẾ

1. Viết Tiểu luận

a) Mục đích

- Là phần thu hoạch kiến thức và kỹ năng thu nhận được từ Chương trình bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Di sản văn hóa trong thời gian 06 tuần.
- Đánh giá mức độ kết quả học tập của học viên đã đạt được qua Chương trình.
- Đánh giá khả năng vận dụng kiến thức và kỹ năng đã thu nhận được vào thực tiễn tại vị trí công tác của chức danh nghề nghiệp Di sản văn hóa.

b) Yêu cầu

- Cuối khóa học, mỗi học viên viết một Tiểu luận gắn với công việc mà mình đang đảm nhận, trong đó nêu được kiến thức và kỹ năng thu nhận được, phân tích công việc hiện nay và đề xuất vận dụng vào công việc.
- Các yêu cầu và hướng dẫn cụ thể sẽ thông báo cho học viên khi bắt đầu khóa học.
- Thực hiện đúng yêu cầu của một Tiểu luận
 - + Độ dài không quá 20 trang A4 (không kể trang bìa, phần tài liệu tham khảo và phụ lục), sử dụng phông chữ Times New Roman, cỡ chữ 14.

+ Văn phong/cách viết: Có phân tích và đánh giá, ý kiến nêu ra cần có số liệu, minh chứng rõ ràng.

+ Các trích dẫn phải mô tả đúng theo quy định đối với tài liệu tham khảo luận văn, luận án của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Đi thực tế

a) Mục đích

- Quan sát và trao đổi kinh nghiệm công tác qua thực tiễn tại một đơn vị cụ thể.

- Giúp kết nối giữa lý thuyết với thực hành.

b) Yêu cầu

- Giảng viên xây dựng bảng quan sát để học viên ghi nhận trong quá trình đi thực tế.

- Học viên chuẩn bị trước câu hỏi hoặc vấn đề cần làm rõ trong quá trình đi thực tế.

- Cơ sở đào tạo, bồi dưỡng bố trí tổ chức và sắp xếp đi thực tế cho học viên.

- Cơ quan, đơn vị học viên đến thực tế chuẩn bị báo cáo kinh nghiệm và tạo điều kiện để học viên trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm thực tiễn.

VII. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Biên soạn tài liệu

a) Tài liệu được biên soạn một cách đơn giản và được mô hình hoá, dễ hiểu, dễ nhớ;

b) Nội dung chuyên đề phải phù hợp với vị trí làm việc của chức danh nghề nghiệp Di sản viên;

c) Các chuyên đề phải được biên soạn theo kết cấu mở để tạo điều kiện cho các cơ sở đào tạo bồi dưỡng và giảng viên thường xuyên bổ sung, cập nhật những nội dung mới trong các văn bản quy phạm pháp luật, tiến bộ khoa học trong công tác bồi dưỡng nguồn nhân lực hoạt động trong lĩnh vực bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa cũng như những kinh nghiệm thực tiễn vào nội dung bài giảng.

2. Giảng dạy

a) Giảng viên

- Giảng viên tham gia bồi dưỡng các chương trình này tối thiểu phải có chức danh nghề nghiệp giảng viên chính (hạng II) quy định tại Thông tư số 40/2020/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 10 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc tương đương; bảo đảm tiêu chuẩn giảng viên trong các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của pháp luật; có kiến thức và kinh nghiệm trong hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa; kết hợp việc mời giảng viên thỉnh giảng là những nhà quản lý, nhà khoa học có trình độ cao và có nhiều kinh nghiệm và thực tiễn trong hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa;

- Giảng viên và giảng viên thỉnh giảng cần nghiên cứu đầu tư tài liệu, thường xuyên cập nhật văn bản mới, kiến thức mới, tập hợp các bài tập, tình huống điển hình trong thực tiễn hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản

văn hóa để trang bị cho học viên những kiến thức, kỹ năng cơ bản, thiết thực, sát với chức trách, nhiệm vụ của chức danh nghề nghiệp Di sản viên.

b) Yêu cầu về hoạt động dạy - học

- Chương trình bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ có nhiều nội dung đòi hỏi kết hợp giữa lý thuyết và thực hành. Trong đó, lý thuyết phải giữ vai trò chủ đạo và gắn liền với thực hành. Trong các giờ thực hành, ngoài việc giải quyết các yêu cầu về kỹ năng nghiệp vụ bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa và các kỹ năng có liên quan cho học viên.

- Nội dung các chuyên đề trong phần I, phần II, là nội dung bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng bắt buộc đối với chức danh nghề nghiệp Di sản viên. Tuy nhiên, tùy thuộc vào phương pháp tổ chức thảo luận thực hành trên lớp của các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng, thời gian thảo luận thực hành của từng chuyên đề có thể rút ngắn so với quy định trong chương trình bồi dưỡng đối với chức danh nghề nghiệp này, đồng thời có thể đưa kinh nghiệm thực tiễn quản lý trong lĩnh vực di sản văn hóa vào nội dung thảo luận của các chuyên đề nhằm tăng chất lượng, hiệu quả và giảm thời gian của chương trình nhưng vẫn phải bảo đảm thời gian tối thiểu theo quy định của pháp luật.

- Tăng cường áp dụng các phương pháp sư phạm tích cực hướng vào việc đặt và giải quyết vấn đề thực tiễn của việc học tập và công tác sau này.

- Bảo đảm cho học viên có đủ tài liệu và phương tiện học tập, khuyến khích hoạt động tự nghiên cứu, tự học của học viên.

Tận dụng tối đa những công cụ và công nghệ dạy học mới.

c) Yêu cầu đối với học viên

- Nắm bắt được vị trí, chức trách, nhiệm vụ và những yêu cầu hiểu biết đối với Chương trình bồi dưỡng theo chức danh nghề nghiệp học viên đăng ký tham gia học.

- Sau khi tham gia khóa bồi dưỡng, học viên có kiến thức, kỹ năng, chuyên môn nghiệp vụ cơ bản và cần thiết, đáp ứng yêu cầu đối với chức danh nghề nghiệp của học viên đăng ký tham gia học.

3. Yêu cầu đối với việc tổ chức báo cáo chuyên đề

a) Các chuyên đề theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp Di sản viên, phù hợp với các đối tượng tham gia học;

b) Báo cáo viên phải là người có trình độ chuyên môn cao, có kinh nghiệm trong công tác đào tạo, bồi dưỡng ngành di sản văn hóa và có khả năng truyền đạt kiến thức, kỹ năng;

c) Chương trình dành thời lượng nhất định 02 ngày (16 tiết) để các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng tổ chức cho học viên đi thăm quan, khảo sát thực tế, hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa tại các đơn vị, địa phương... Căn cứ vào tình hình thực tế, các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng có thể sắp xếp, bố trí thời gian thực hiện các nội dung này ngắn gọn, phù hợp hơn.

4. Đánh giá kết quả học tập

a) Đánh giá thông qua ý thức của người học, học viên vi phạm quy chế học tập của cơ sở đào tạo bồi dưỡng thì bị đình chỉ học tập.

b) Đánh giá thông qua kết quả kiểm tra viết (hoặc thực hành), chấm theo thang điểm 10. Học viên phải làm bài kiểm tra theo quy định, học viên nào không đạt (dưới điểm 5) phải ôn tập và kiểm tra lại, nếu kiểm tra lại vẫn không đạt thì không được cấp chứng chỉ.

c) Đánh giá chung cho toàn chương trình thông qua Tiểu luận của học viên, chấm theo thang điểm 10, đạt từ 5 điểm trở lên và được xếp loại như sau:

- Giỏi: 9 - 10 điểm;
- Khá: 7 - 8 điểm;
- Trung bình: 5 - 6 điểm;
- Không đạt: Dưới điểm 5.

5. Tổ chức thực hiện

a) Các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng, cơ sở đào tạo, nghiên cứu thực hiện nhiệm vụ bồi dưỡng phải có đủ các điều kiện theo quy định tại Thông tư số 11/2019/TT-BVHTTDL ngày 11/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về điều kiện để cơ sở đào tạo, nghiên cứu được tổ chức thực hiện các chương trình bồi dưỡng viên chức ngành văn hóa, thể thao và du lịch và theo các quy định của pháp luật hiện hành.

b) Các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng, cơ sở đào tạo, nghiên cứu thực hiện nhiệm vụ bồi dưỡng tổ chức đánh giá chất lượng bồi dưỡng theo các quy định của pháp luật hiện hành.

c) Căn cứ vào Chương trình bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh Di sản viên, các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng, cơ sở đào tạo, nghiên cứu được phân công tổ chức thực hiện xây dựng kế hoạch, cơ cấu thời gian bồi dưỡng hợp lý giữa lý thuyết và thực hành, điều chỉnh cụ thể thời lượng của chương trình cho phù hợp với vị trí công tác của đối tượng học viên báo cáo cơ quan quản lý trước khi tổ chức khóa học và báo cáo kết quả sau khi kết thúc khóa học để theo dõi, quản lý.

d) Việc quản lý và cấp phát chứng chỉ thực hiện theo quy định tại Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; Nghị định số 89/2021/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 09 năm 2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và các quy định pháp luật khác có liên quan./.